

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP ẢNH HƯỞNG ĐẾN TĂNG TRƯỞNG XANH TẠI TỈNH BẮC NINH

ThS. Nguyễn Thị Thu Lệ

Trường Đại học Lao động - Xã hội

lethuthu@gmail.com

Tóm tắt: Mục đích của chuyển dịch cơ cấu kinh tế là thực hiện chính sách công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi quốc gia, đặc biệt là cơ cấu ngành, trong đó cơ cấu công nghiệp là một trong ba nội dung tạo nên chất lượng tăng trưởng. Bài viết nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2022. Với dữ liệu thu thập từ Niên giám thống kê, sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, nghiên cứu chỉ ra quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh thời gian qua chưa đảm bảo yếu tố bền vững xét trên cả ba phương diện: kinh tế - xã hội - môi trường: (1) cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm đặc biệt, cơ cấu ngành công nghiệp chưa phát huy được lợi thế so sánh của tỉnh; (2) sự phát triển công nghiệp thiếu tính bền vững, ngành công nghiệp truyền thống có xu hướng bị mai một; (3) việc gia tăng mạnh mẽ, thiếu cân nhắc trong các ngành công nghiệp khai thác, chế biến đã dẫn đến tình trạng môi trường thiên nhiên ở nhiều nơi bị xuống cấp, ô nhiễm và suy thoái nghiêm trọng. Từ kết quả trên, một số giải pháp được đề xuất trong bài viết: (1) Hướng chính sách thu hút đầu tư đối với các ngành công nghiệp công nghệ cao (2) Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, (3) Gắn chuyển dịch cơ cấu với bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành công nghiệp, tăng trưởng xanh tỉnh Bắc Ninh

INFLUENCE OF INDUSTRIAL RESTRUCTURING TO GREEN GROWTH IN BAC NINH PROVINCE

Abstract: The objective of economic restructuring is to carry out the industrialization and modernization strategy of each nation, with a particular focus on the industrial structure. The industrial structure is one of the three key elements that contribute to the quality of growth. This article examines the present situation of industrial restructuring in Bac Ninh province during the period of 2018 to 2022. With data collected from the statistical yearbook, using qualitative research methods, the study shows that the process of industrial restructuring in Bac Ninh province over the past time has not ensured sustainable factors in all three aspects: economy - society - environment: 1) The economic restructuring is slow, with the province failing to fully leverage its comparative advantages in terms of industrial structure; 2) The sustainability of industrial development is lacking, resulting in a decline of traditional industries; 3) The hasty and unchecked growth of extractive and processing industries has resulted in severe degradation, pollution, and deterioration of the natural environment in numerous locations. The article suggests several solutions based on the results mentioned earlier: (1) Implementing policy measures to encourage

investment in high-tech sectors, (2) Supporting the preservation and advancement of traditional craft villages, and (3) Linking restructuring with environmental protection.

Keywords: *Economic restructuring, industrial structure, green growth in Bac Ninh province*

Mã bài báo: JHS - 174

Ngày nhận bài sửa: 04/02/2024

Ngày nhận bài: 09/01/2024

Ngày duyệt đăng: 20/2/2024

Ngày nhận phản biện: 22/01/2024

1. Giới thiệu

Là một tỉnh đi lên từ ngành nông nghiệp, tỉnh Bắc Ninh đã hội nhập và lĩnh hội những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước và của các nước trên thế giới. Trong quá trình hội nhập, tỉnh Bắc Ninh có nhiều tiềm năng để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế. Với sự hội nhập kinh tế quốc tế, tỉnh đã nỗ lực phát triển, kinh tế - xã hội có nhiều bước chuyển biến rõ rệt, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp.

Trong thời gian gần đây, tỉnh Bắc Ninh đang đối mặt với nhiều thách thức trong việc phát triển bền vững nền kinh tế. Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp là một trong những giải pháp được đưa ra để giúp tỉnh đạt được sự phát triển bền vững và đồng đều hơn. Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp là một trong những nỗ lực đáng kể để thích nghi với thị trường khu vực và thế giới, đồng thời đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ ngày càng cao của thị trường. Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch này không hề đơn giản đòi hỏi sự đồng thuận và nỗ lực của nhiều bên liên quan để đạt được hiệu quả cao nhất.

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp là việc tập trung đầu tư vào những ngành công nghiệp có tiềm năng để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp rất đa dạng, từ những yếu tố kinh tế - xã hội, nhân tố điều tiết sản xuất cho đến những yếu tố về nguồn lực tự nhiên. Nhà nước đã đề ra đường lối phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay, nhằm đưa ra những sản phẩm mới và mang tính cạnh tranh cao hơn trên thị trường. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này cần đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm.

Sự tác động của thị trường là một yếu tố quan trọng đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp. Những thay đổi của nhu cầu thị trường ảnh

hưởng nhiều đến sản xuất, từ đó làm thay đổi cơ cấu ngành và sản phẩm. Vì vậy, việc nắm bắt và đáp ứng nhu cầu của thị trường là rất cần thiết để đưa ra những sản phẩm mới, giúp tăng cường tính cạnh tranh của các doanh nghiệp và đưa nền kinh tế tỉnh Bắc Ninh ngày càng gần hơn với thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, các nguồn lực, bao gồm cả nguồn lực tự nhiên và kinh tế - xã hội cũng góp phần quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp. Nguồn nguyên liệu và lao động tại những khu vực kém phát triển được khai thác và tận dụng để tăng thu nhập và cải thiện đời sống người dân, đồng thời góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của các vùng này. Điều này cũng giúp đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, đưa nền kinh tế tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững hơn và phát triển theo hướng tăng trưởng xanh.

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo sự đa dạng hóa ngành công nghiệp, giúp tránh tình trạng quá phụ thuộc vào một số ngành công nghiệp nhất định, đồng thời giúp phát triển các ngành công nghiệp khác nhau cùng một lúc. Việc chuyển dịch cũng giúp tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ có giá trị cao hơn, từ đó tăng cường sức cạnh tranh của tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp còn có tác động tích cực tới việc nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Từ đó, chúng ta có thể tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ mới, đáp ứng nhu cầu của thị trường và đồng thời tạo ra thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.

Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp cũng giúp cho chúng ta phát triển các ngành công nghiệp mà có thể tận dụng được các nguồn tài nguyên trong nước, nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ. Điều này giúp đất nước tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Như vậy, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp là một trong những giải pháp quan trọng để giúp tỉnh Bắc Ninh đạt được sự phát triển bền vững, tăng trưởng xanh. Việc này không chỉ giúp tăng cường sức cạnh tranh của tỉnh trên thị trường trong nước và quốc tế, mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động và phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, Bắc Ninh đang phải đối mặt với những khó khăn, thách thức. Do vậy, trong những năm tiếp theo, bên cạnh việc thực hiện các chính sách nhằm phát huy có hiệu quả chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI, việc tiếp tục hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nhằm phát huy lợi thế của tỉnh là một vấn đề cần được chú ý.

2. Cơ sở lý thuyết

** Cơ cấu kinh tế*

“Cơ cấu kinh tế là một tổng thể hợp thành bởi nhiều yếu tố kinh tế của nền kinh tế quốc dân, giữa chúng có mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại với nhau trong những không gian, thời gian nhất định và trong điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể. Nó thể hiện đầy đủ cả mặt định tính và định lượng, cả mặt chất lượng và số lượng và vận động hướng vào những mục tiêu nhất định của nền kinh tế” (Ha, 2014).

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam: Cơ cấu kinh tế là tổng thể các ngành, các lĩnh vực, bộ phận kinh tế có quan hệ hữu cơ tương đối ổn định hợp thành (Trung tâm biên soạn từ điển quốc gia, 1995). Cơ cấu kinh tế bao gồm cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế và cơ cấu thành phần kinh tế, trong đó cơ cấu ngành kinh tế có vai trò quyết định. Việc phân chia các loại cơ cấu kinh tế như trên không phải là cách phân chia duy nhất, lại càng không phải chỉ có từng ấy loại cơ cấu kinh tế. Thực tế, tùy theo mục tiêu nghiên cứu mà người ta có thể phân chia theo những cách khác nhau, và trong mỗi loại cơ cấu này, đến lượt nó lại bao hàm nhiều kiểu cơ cấu khác nữa.

** Cơ cấu ngành kinh tế*

Cơ cấu ngành kinh tế là tổng hợp các ngành kinh tế và mối quan hệ tỷ lệ giữa các ngành thể hiện ở vị trí và tỷ trọng của mỗi ngành trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu ngành kinh tế phản ánh trình độ phân công lao động xã hội của nền kinh tế và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (Thắng, 2006).

** Cơ cấu ngành công nghiệp*

Cơ cấu ngành công nghiệp là số lượng các bộ phận hợp thành công nghiệp và mối quan hệ tương tác giữa các bộ phận ấy. Một nền công nghiệp chỉ được coi là

phát triển khi nó có một cơ cấu cân đối và hợp lý. Về mặt lượng, cơ cấu công nghiệp được xác định bằng tỷ trọng giá trị sản lượng (hoặc GDP) của từng bộ phận chiếm trong tổng giá trị sản lượng (hoặc GDP) của toàn bộ công nghiệp. Tỷ trọng này phụ thuộc vào vị trí của mỗi bộ phận trong hệ thống. Những ngành công nghiệp then chốt, mũi nhọn thường chiếm tỷ trọng lớn vì chúng luôn được ưu tiên về đầu tư phát triển. Những ngành công nghiệp “mới” lúc đầu thường chiếm tỷ trọng nhỏ, tỷ trọng này sẽ tăng dần lên cùng với sự trưởng thành. Phân theo ngành cấp 1, công nghiệp Việt Nam có 3 nhóm ngành: Công nghiệp khai thác mỏ; công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất, phân phối ga, điện, nước (Bắc, 2010).

Một cơ cấu ngành công nghiệp được coi là cân đối và hợp lý khi nó khai thác, tận dụng được các nguồn lực, thế mạnh và lợi thế so sánh của quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương để tạo điều kiện tốt cho phát triển công nghiệp, đồng thời cơ cấu ngành công nghiệp đó phải chuyển dịch theo hướng hiện đại hóa (Thắng, 2006). Ngoài việc xác định cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp, chúng ta còn phải quan tâm đến đóng góp của công nghiệp vào cơ cấu kinh tế nói chung, nói cách khác là quan tâm đến tỷ trọng của công nghiệp trong GDP. Một địa phương, quốc gia chỉ được coi là có nền công nghiệp phát triển khi tỷ trọng công nghiệp trong GDP ngày càng tăng.

** Tăng trưởng xanh*

Tăng trưởng “xanh” là cách tiếp cận để đạt được tăng trưởng kinh tế, với mục đích giảm nghèo và bảo đảm sự bền vững về môi trường. Tăng trưởng “xanh” khác với tăng trưởng truyền thống là không lấy phương châm “phát triển trước, bảo vệ môi trường sau”, mà lấy việc phòng, ngừa, lồng ghép bảo vệ môi trường, giảm phát thải cacbon trong sản xuất, kinh doanh làm động lực để tăng trưởng (Anh, 2018).

Tăng trưởng xanh là một nội dung của Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam nhằm đảm bảo phát triển kinh tế theo hướng hiệu quả và bền vững, đồng thời góp phần giảm nhẹ và phòng chống tác động của biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay. Chiến lược tăng trưởng “xanh” của Việt Nam nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, tiến tới việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính thông qua nghiên cứu và áp dụng công nghệ xanh, hiện đại phù hợp, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng để nâng cao hiệu quả nền kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo

và tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế một cách bền vững.

** Mục tiêu của chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp*

Thứ nhất, duy trì tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp

Để có thể duy trì lâu dài một tốc độ tăng trưởng công nghiệp nhanh và ổn định trong dài hạn, tạo động lực thúc đẩy các lĩnh vực khác phát triển cần thực hiện một số định hướng chính sau đây:

- Chuyển nền kinh tế từ tăng trưởng chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển chủ yếu theo chiều sâu trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để tăng năng suất lao động và nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ, nâng cao hiệu quả của nền kinh tế nói chung và hiệu quả của vốn đầu tư nói riêng.

- Chuyển nền kinh tế từ khai thác và sử dụng tài nguyên dưới dạng thô sang chế biến tinh xảo hơn, nâng cao giá trị gia tăng từ mỗi một đơn vị tài nguyên được khai thác. Chuyển dần sự tham gia thị trường bên ngoài, thị trường quốc tế bằng những sản phẩm thô sang dạng các sản phẩm chế biến tinh và dịch vụ. Chú trọng nâng cao hàm lượng khoa học, công nghệ của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ.

- Triệt để tiết kiệm các nguồn lực trong phát triển, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên khan hiếm và hạn chế tiêu dùng lẫn vào phần của các thế hệ mai sau.

Thứ hai, tổ chức không gian lãnh thổ và phân bố công nghiệp hợp lý

Nguyên tắc của chính sách phân bố công nghiệp là nhằm tạo ra một không gian phân bố công nghiệp hợp lý hơn, kích thích công nghiệp phát triển nhưng vẫn hài hòa được các lợi ích về môi trường. Chính sách phân bố công nghiệp phải hướng vào 3 nội dung lớn sau đây:

(1) Định hướng phát triển tập trung, theo đó phân bố công nghiệp tại địa phương, tiếp tục quy hoạch định hướng về các khu công nghiệp, khu chế xuất.

(2) Tạo các liên kết công nghiệp bền vững: Mục tiêu tạo ra các phân bố có tính liên kết, phân công chuyên môn hóa theo hướng thân thiện môi trường.

(3) Di dời các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng:

Mục tiêu là góp phần cải thiện và giải quyết các vấn đề môi trường do lịch sử để lại dựa trên cơ sở di dời kết hợp đổi mới công nghệ.

Thứ ba, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên

Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên khoáng sản nói riêng là nội dung không thể thiếu trong chương trình phát triển bền vững của quốc gia. Nội dung cần được đặc biệt ưu tiên, bao gồm các hoạt động về khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài nguyên khoáng sản, trong đó sử dụng tiết kiệm là chủ đạo.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập thông tin: Bài viết sử dụng thông tin thứ cấp thông qua số liệu thống kê từ Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh từ năm 2018 đến năm 2022, các tài liệu liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành công nghiệp ở Việt Nam. Phương pháp xử lý và phân tích thông tin. Thông tin sau khi thu thập được xử lý bằng phần mềm Excel và sử dụng các phương pháp phân tích như: Phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh để đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng cơ cấu ngành công nghiệp tại tỉnh Bắc Ninh

** Về cơ cấu kinh tế vĩ mô*

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Bắc Ninh thời gian qua đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, từ một tỉnh nông nghiệp thuần túy, đến nay đã trở thành một tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, cơ cấu chuyển dịch tích cực. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và trong nội bộ ngành công nghiệp nói riêng đã có sự thay đổi mạnh, từng bước hình thành ngành công nghiệp điện tử - viễn thông - một ngành công nghiệp mũi nhọn với các sản phẩm công nghiệp chủ lực có năng lực cạnh tranh trên thị trường theo xu hướng công nghệ cao. Mặt khác, tại các khu vực làng nghề, các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã giải quyết được nhiều lao động, từng bước thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động nông thôn.

Bảng 1. Cơ cấu kinh tế tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2022

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Nông, lâm, thủy sản	2,81	2,58	2,93	2,91	2,61
Công nghiệp, xây dựng	77,18	76,21	76,37	76,98	75,92
Dịch vụ	16,13	17,21	16,73	16,22	17,64

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2018-2022

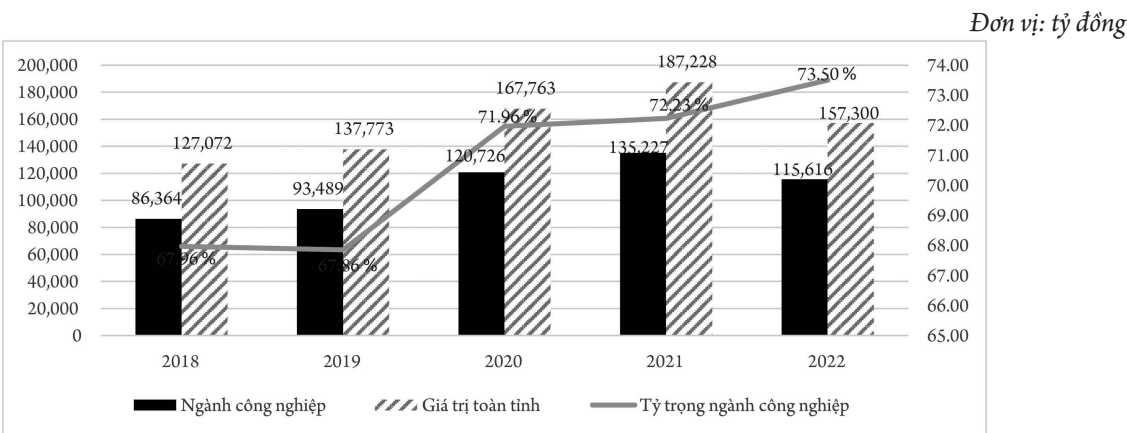
Có thể thấy, cơ cấu kinh tế ở tỉnh Bắc Ninh thời gian qua tiếp tục chuyển dịch đúng hướng. Ngành công nghiệp luôn là ngành chủ đạo và chiếm tỷ trọng cao (trên 70%) trong cơ cấu GDP. Trong khi đó, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục sụt giảm về quy mô sản xuất và sản lượng lương thực, thực phẩm, nên tỷ trọng giảm từ 2,81 % năm 2018 xuống còn 2,61% năm 2022; khu vực dịch vụ chỉ chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn trong cơ cấu GDP của tỉnh.

** Về tổng sản phẩm công nghiệp*

Tổng sản phẩm ngành công nghiệp liên tục tăng qua các năm và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng

sản phẩm. Có thể thấy, giai đoạn 2018-2022, tổng sản phẩm công nghiệp tỉnh Bắc Ninh liên tục tăng cao qua các năm và chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu tổng sản phẩm các ngành, trong đó tổng sản phẩm ngành công nghiệp đạt 148.977 tỷ đồng, tăng gấp 1,5 lần so với năm 2018. Điều này một mặt cho thấy sự ổn định trong phát triển ngành công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh, mặt khác cũng cho thấy khu vực công nghiệp có vai trò khá quan trọng trong cơ cấu GDP của tỉnh. Khi đó, một sự biến động của khu vực công nghiệp sẽ tác động không nhỏ tới nền kinh tế tỉnh Bắc Ninh. Ngoài ra, xét trong cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp, còn một số tồn tại:

Hình 1. Giá trị và cơ cấu tổng sản phẩm ngành công nghiệp trong cơ cấu tổng sản phẩm theo giá hiện hành giai đoạn 2018-2022



Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Bắc Ninh năm 2018-2022

Ở hình 1, giai đoạn 2018-2022, tổng sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh liên tục tăng cao qua các năm và chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu tổng sản phẩm toàn tỉnh, đặc biệt là năm 2022 (chiếm 73,5%). Năm 2022, tổng sản phẩm toàn tỉnh Bắc Ninh chỉ đạt 157.300 tỷ đồng, bằng 97,7% so với năm 2021. Nguyên nhân là bởi sự sụt giảm trong tổng sản phẩm ngành công nghiệp (chỉ đạt 115.616 tỷ đồng), giảm 19.611 tỷ đồng so với năm 2021. Điều này một mặt cho thấy sự kém ổn định trong phát triển ngành công nghiệp ở Bắc Ninh, mặt khác cũng cho thấy khu vực công nghiệp có vai trò khá quan trọng trong cơ cấu GDP toàn tỉnh. Khi đó, một sự biến động của khu vực công nghiệp sẽ tác động không nhỏ tới nền kinh tế toàn tỉnh Bắc Ninh. Có thể thấy, một trong những yếu tố tiềm ẩn đe dọa sự phát triển không bền vững là sự phụ thuộc quá lớn vào khối doanh nghiệp FDI. Điều này được thể hiện rõ khi phân

tích sự biến động tại các khu công nghiệp (KCN) tại Bắc Ninh: Giai đoạn 2018-2022 các KCN Bắc Ninh thu hút số dự án lần lượt bằng 153%, 193% và số vốn đầu tư đăng ký lần lượt bằng 237%, 431% so với giai đoạn 2013-2017. Đến tháng 7/2022, các KCN Bắc Ninh đã thu hút 1.278 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 17,43 tỷ USD, trong đó có 848 dự án FDI tổng vốn đầu tư đăng ký đạt hơn 15,4 tỷ USD; 430 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký 2,03 tỷ USD. Tỷ trọng vốn FDI ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong các KCN, các dự án đều thuộc lĩnh vực điện tử, viễn thông và công nghiệp hỗ trợ. Trong đó có dự án của các tập đoàn lớn như: Canon, Samsung Electronics, Samsung Display, Công ty TNHH FUSHAN TECHNOLOGY (đổi tên từ Microsoft Mobile) ... Đây là nhân tố quan trọng thúc đẩy hàm lượng giá trị công nghệ trong giá trị của sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh,

từ đó nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp, giá trị kim ngạch xuất khẩu tại các KCN Bắc Ninh. Tuy nhiên, điều này lại tiềm ẩn nguy cơ cao cho sự “đổ vỡ” của ngành công nghiệp Bắc Ninh khi có sự

biến động của khu vực FDI, sự lệ thuộc quá lớn vào nhân tố bên ngoài dẫn đến một ngành công nghiệp thiếu ổn định, kém tính bền vững.

* Về chỉ số sản xuất ngành công nghiệp

Bảng 3. Chỉ số sản xuất công nghiệp phân theo ngành công nghiệp cấp II giai đoạn 2018-2022

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2021	2022
Toàn tỉnh	107,4	88,6	103,9	109,5	104,3
Công nghiệp khai khoáng	26,8	15,9	16,2	21,7	22,3
Công nghiệp chế biến chế tạo	107,4	88,6	104,0	109,6	104,3
Sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng	113,5	106,9	108,5	104,3	106,4
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải	101,5	99,4	85,6	96,5	113,4

Nguồn: Niên giám thống kê của Việt Nam, giai đoạn 2018-2022

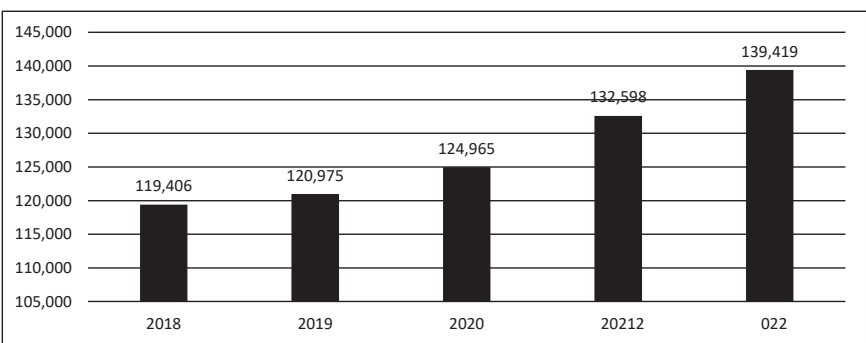
Tính chung cả năm 2021, IIP toàn ngành công nghiệp tăng 6,6%; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,6%, ngành sản xuất và phân phối điện giảm 5,8% và ngành cung cấp nước và xử lý nước thải tăng 10,9%. Sở dĩ, ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng cao là do Công ty SDV vận hành nhà máy thứ ba, đưa quy mô gấp hơn 3 lần so cùng kỳ và trở thành công ty có quy mô lớn nhất trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Công ty SDV liên tục nghiên cứu cho ra đời dòng sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, nên vẫn duy trì mức tăng trưởng ổn định, đã giúp cho ngành sản xuất sản phẩm điện tử tăng 43,8%.

Ngoài ra, một số ngành nghề chủ lực của địa phương cũng có chỉ số tăng cao như: sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (gấp 2 lần); sản xuất kim loại (+34,5%); sản xuất hóa chất (+11,1%); sản xuất xe có động cơ (+11%)... đã góp phần đưa chỉ số của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 37,4%. Tuy nhiên, đến năm 2022, chỉ số phát triển toàn ngành công nghiệp giảm 4,8% so với năm 2021, trong đó ngành chế biến chế tạo giảm 4,7%, nhưng ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 2,1% và ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 16,9%.

* Về giá trị sản xuất công nghiệp

Hình 2. Giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2022 (theo giá so sánh năm 2010)

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2018-2023

Từ năm 2018 đến năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp tỉnh Bắc Ninh tăng liên tục. Năm 2022, giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành đạt 139.419 tỷ đồng, tăng 5,1% so với cùng kỳ và tăng 16,8% so với năm 2018. Kết quả này đã đưa Bắc

Ninh trở thành tỉnh đứng đầu cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp.

4.2. Đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh

4.2.1 Những thành tựu

* Về tổ chức không gian lãnh thổ và phân bố công nghiệp

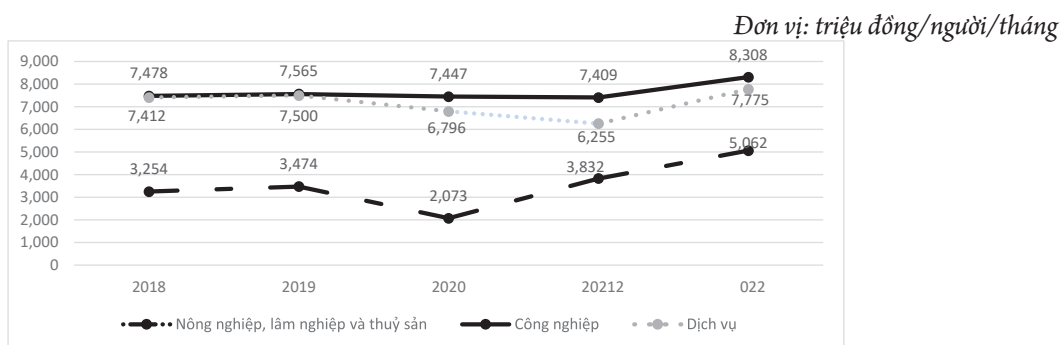
Xuất phát từ lợi thế có vị trí địa kinh tế trong nước, tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức không gian kinh tế, thu hút đầu tư từ công nghiệp để tạo ra đột phá tăng trưởng, trong đó thu hút được các ngành có năng suất cao của các tập đoàn đa quốc gia như Samsung, LG, Canon, Foxconn..., từ đó tạo sự hội tụ về tính hấp dẫn của môi trường kinh doanh bao gồm cơ hội về thị trường; chất lượng điều hành kinh tế; hình ảnh địa phương. Hiện tại, Bắc Ninh có 16 KCN, với tổng diện tích 6.397,68 ha. Trong đó, 13 KCN được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 16 dự án hạ tầng KCN với tổng diện tích quy hoạch 5.111,5 ha và diện tích đất công nghiệp cho thuê là 3.476,41 ha. 9 KCN đã đi vào hoạt động với diện tích quy hoạch 2.872,98 ha, diện tích đất công nghiệp cho thuê là 2.017,61 ha, đã cho thuê 1.415,87 ha đất công nghiệp. Tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất quy hoạch đạt 70,18%, trên diện tích đất thu hồi 82,73%. Do đó, trong những năm gần đây, công nghiệp tỉnh Bắc Ninh đã thu hút mạnh vốn đầu tư trong và ngoài nước, nên đạt được nhiều thành quả đáng kể. Đến hết tháng 7/2018, các khu công nghiệp Bắc Ninh đã thu hút 1.278 dự án đến từ 33 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 17,43 tỷ USD; trong đó có 848 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 15,4 tỷ USD; 430 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký 2,03 tỷ USD. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2018, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 500.000 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu đạt 19 tỷ USD; giá trị nhập khẩu 11 tỷ USD; nộp ngân sách đạt 6.000 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho trên 282.000 lao động; trong đó 70% là lao động ngoại tỉnh. Các KCN Bắc Ninh hiện có 887 dự án đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho 282 nghìn lao động, thu nhập bình quân của lao động gián tiếp

6,8 triệu đồng/người/tháng và lao động trực tiếp 5,7 triệu đồng/người/tháng. Riêng năm 2017, giá trị sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp KCN (không tính các công ty hạ tầng) đạt 664.674 tỷ đồng; Giá trị xuất khẩu đạt 28,4 tỷ USD; Nhập khẩu 23,5 tỷ USD; Nộp ngân sách đạt 8.700 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm 2018, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 500.000 tỷ đồng; Giá trị xuất khẩu đạt 19 tỷ USD; Giá trị nhập khẩu 11 tỷ USD (tính theo giá hiện hành); Nộp ngân sách đạt 6.000 tỷ đồng. Các doanh nghiệp KCN chiếm hơn 70% giá trị sản xuất công nghiệp và hơn 90% giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Sự phát triển của các KCN là nhân tố chính đóng góp vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hiện đại. Qua đó, góp phần thúc đẩy mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, đưa nền kinh tế của Bắc Ninh hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Kết quả thu hút đầu tư vào các KCN của Bắc Ninh trong 20 năm qua khẳng định môi trường đầu tư thông thoáng, xây dựng được hình ảnh đặc trưng của mỗi KCN, kéo theo chuỗi các nhà đầu tư về tỉnh khác, tạo sức mạnh lan tỏa, góp phần đưa Bắc Ninh trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Với những kết quả trên đây, có thể khẳng định Bắc Ninh đã trở thành trung tâm công nghiệp điện tử của cả nước, thương hiệu Bắc Ninh đã xuất hiện ở phạm vi toàn cầu với “cứ điểm” của tập đoàn hàng đầu thế giới. Thương hiệu Bắc Ninh không chỉ được hình thành từ những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế mà mà quan trọng hơn được củng cố với sự gắn kết văn hóa truyền thống; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

* Góp phần cải thiện và từng bước nâng cao thu nhập của người lao động

Hình 3. Thu nhập bình quân một tháng của người lao động theo cơ cấu ngành kinh tế ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2022



Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh, giai đoạn 2018-2022

Giai đoạn 2018-2022, chứng kiến sự tăng trưởng ở hầu hết các ngành kinh tế, thu nhập của người lao động tăng ở cả ba ngành kinh tế năm sau so với năm liền kề trước đó. Trong đó, ngành công nghiệp ghi nhận mức tăng trưởng thu nhập cao nhất. Thu nhập của lao động làm việc trong khu vực công nghiệp tăng mạnh nhất.

Như vậy, có thể thấy rõ sự biến động mạnh trong thu nhập bình quân của người lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có sự thay đổi rõ rệt trong giai đoạn 2018-2022. Điều này chủ yếu nhờ vào khu vực FDI. Có thể thấy rõ điều này qua phân tích số liệu FDI của tỉnh Bắc Ninh năm 2018: Riêng năm 2022, Bắc Ninh thu hút được 175 dự án, tổng vốn đầu tư là 1,1 tỷ USD. Lũy kế đến hết năm 2018, Bắc Ninh đã thu hút khoảng 1.300 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đạt 17,2 tỷ USD đến từ 34 quốc gia và vùng lãnh thổ, đầu tư vào 14 ngành, lĩnh vực, đứng thứ 6 cả nước về quy mô vốn đầu tư. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo đóng vai trò chủ đạo, chiếm 92,8% tổng vốn đầu tư trên địa bàn và Hàn Quốc hiện đang là quốc gia dẫn đầu về số dự án và tổng vốn đầu tư, chiếm 57% tổng vốn FDI toàn tỉnh.

Kết quả trên một mặt cho thấy những vai trò tích cực của khu vực FDI đối với nền kinh tế Bắc Ninh, mặt khác cũng cho thấy những nguy cơ của sự thiếu bền vững trong cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu công nghiệp nói riêng, bởi một sự thay đổi trong chính sách FDI hoặc một sự biến động trong sản xuất của khu vực này có thể phá vỡ cấu trúc kinh tế của tỉnh Bắc Ninh khi phụ thuộc quá lớn vào khu vực này.

4.2.2 Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành tựu nói trên, quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh còn tồn tại một số hạn chế:

Thứ nhất, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, cơ cấu ngành công nghiệp chưa phát huy được lợi thế của tỉnh.

Có thể thấy, công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo trong cơ cấu kinh tế tỉnh Bắc Ninh (ngành công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng trên 70% trong cơ cấu kinh tế toàn tỉnh). Điều này cho thấy, công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo đóng góp vào tăng trưởng GRDP của tỉnh. Có thể thấy, FDI đã góp phần tích cực vào tăng trưởng GRDP và bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp được coi là thế mạnh lại có sự thay đổi theo chiều hướng thiếu tính bền vững.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do:

(1) Ngành sản xuất sản phẩm điện tử chiếm tỷ trọng lớn (trên 50%), nên quyết định đến tăng trưởng của ngành công nghiệp.

(2) Sản xuất của khu vực ngoài nhà nước có dấu hiệu khó khăn hơn ở một số ngành truyền thống, như: sắt thép, gỗ, thức ăn gia súc, may mặc...

(3) Công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm, số doanh nghiệp trong nước tham gia chuỗi giá trị còn ít và thiếu liên kết.

Thứ hai, sự phát triển công nghiệp thiếu cân đối dẫn tới những ngành công nghiệp truyền thống của tỉnh có xu hướng bị mai một. Ở Bắc Ninh, làng nghề truyền thống có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương. Nhưng hiện nay nhiều làng nghề gặp không ít khó khăn lâm vào tình trạng thiếu hụt lao động, đầu ra cho sản phẩm bấp bênh và đang phải đối mặt với nguy cơ mai một. Một trong những nguyên nhân này là do tình trạng thiếu hụt lao động.

Hiện nay, nguồn nhân lực tại nhiều làng nghề (may mặc, mây tre đan) đang lâm vào tình trạng thiếu hụt, nhất là những nhân lực trẻ có tay nghề cao. Nguyên nhân khiến nhiều lao động, nhất là lao động trẻ không muốn gắn bó với nghề là do tính chất công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, tính kiên nhẫn và mất nhiều thời gian, thu nhập không cao. Do vậy, lực lượng lao động chủ yếu tại các làng nghề truyền thống hiện nay là trung niên và người già nên hiệu quả công việc thấp. Bên cạnh vấn đề nhân lực, thị trường đầu ra cho sản phẩm cũng đang là thách thức làm ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển bền vững của làng nghề. Phần lớn các làng nghề chậm thay đổi về mô hình, chủ yếu là kinh doanh hộ, mô hình doanh nghiệp và hợp tác xã còn ít. Đó là nguyên nhân cơ bản khiến làng nghề vẫn manh mún, nhỏ lẻ, khó tiếp cận với vốn vay, công nghệ, thị trường. Chất lượng sản phẩm hạn chế, mẫu mã đơn điệu, chưa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, giá thành khó cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại, mặt khác đa số sản phẩm chưa có nhãn hiệu hàng hóa... dẫn đến khó mở rộng và phát triển. Nhiều làng nghề chỉ còn một số ít hộ duy trì sản xuất cầm chừng.

Hiện nay, toàn tỉnh mới có 5 làng nghề được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ gồm: Mây tre đan Xuân Hội, tre trúc Xuân Lai, đúc đồng Đại Bái, gốm Phù Lãng, đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ. Công tác xúc tiến thương mại còn mang tính tự

phát “mạnh ai nấy làm”, chưa có sự liên doanh, liên kết mang tính bài bản, chuyên nghiệp... nên thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề eo hẹp, thiếu ổn định, phụ thuộc lớn vào các thị trường bên ngoài đặc biệt là Trung Quốc. Ngoài ra, trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế, nhiều sản phẩm làng nghề không phù hợp với xu thế phát triển của xã hội hoặc bị các sản phẩm của các nhà máy công nghiệp thay thế nên sản phẩm khó tiêu thụ khiến cho làng nghề khó duy trì phát triển và có nguy cơ mai một như: làng nghề tơ tằm ở Nội Duệ (Tiên Du) và Tam Giang (Yên Phong); mây tre đan Xuân Hội (Lạc Vè, Tiên Du); làm nón lá ở Lãng Ngâm (Gia Bình)...

Thứ ba, ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng trên phạm vi rộng

Phát triển công nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu nhằm thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, sự phát triển của các ngành công nghiệp thời gian qua là một trong những nguyên nhân chính gây tác động mạnh nhất đến môi trường, tài nguyên, sức khỏe, an toàn và trật tự xã hội.

Điển hình như, tại làng nghề tái sản xuất giấy Phong Khê, phường Phong Khê (thành phố Bắc Ninh), người dân đang phải chịu những hệ lụy nặng nề vì ô nhiễm môi trường. 204 cơ sở sản xuất và tái chế giấy đang hoạt động ở Phong Khê mỗi năm sản xuất ra khoảng 200.000 tấn giấy, lưu lượng nước thải khoảng 5.000m³/ngày, lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 60 tấn/ngày. Hầu hết các cơ sở sản xuất giấy ở phường Phong Khê không lắp đặt hệ thống xử lý nước thải mà xả ra môi trường qua các kênh mương và cống trong làng. Theo số liệu của cơ quan chức năng tỉnh, nước thải chứa lượng độc tố cao gấp hàng chục lần, thậm chí là hàng trăm lần tiêu chuẩn cho phép (hàm lượng chất rắn lơ lửng cao hơn từ 4,5 - 11 lần; hàm lượng COD cao hơn từ 8 - 500 lần; hàm lượng Pb cao hơn 5,5 lần...). Kết quả phân tích cũng chỉ ra hầu hết các chỉ số ô nhiễm môi trường trong mẫu bùn ở đáy sông Ngũ Huyện Khê, đoạn đi qua làng nghề cao hơn so với đoạn trước khu vực làng nghề từ 1 - 2 lần, có đoạn vượt từ 6,8 - 8 lần (Huy, 2018).

Làng bún Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, (thành phố Bắc Ninh) có nghề sản xuất bún, bánh truyền thống với trên 500 hộ làm nghề. Trong quá trình sản xuất bún bánh, mỗi ngày có hàng nghìn m³ nước thải chưa qua xử lý xả thẳng ra ao hồ cống rãnh, khiến cho hầu hết các ao hồ trong khu dân cư, các tuyến kênh mương ô nhiễm nghiêm trọng. Làng nghề có mức độ

ô nhiễm cao với 48/450 chỉ tiêu ô nhiễm vượt giới hạn cho phép. Số lượng người mắc bệnh ngày càng tăng, chủ yếu là viêm đường hô hấp cấp, đường tiêu hóa, bệnh phổi.

Làng nghề tái chế thép Đa Hội, phường Châu Khê (thị xã Từ Sơn) từng được biết đến là một trong những làng nghề sản xuất thép lớn nhất miền Bắc. Đa Hội có gần 1.000 lò đúc cán, mạ thép luôn rực lửa khiến bầu không khí trở nên ngột ngạt. Các loại máy cán, dập, đúc, cắt thép không ngừng phát ra những thứ âm thanh hỗn độn với làn khói đen theo ống dẫn được xả ra với mùi khét lẹt hòa quyện với bụi đường, bụi than, bụi kim loại, bụi mặt sắt và mùi hóa chất lẫn mùi hôi thối của nước và rác thải...

Theo số liệu thống kê, trên địa bàn toàn tỉnh, mỗi ngày có khoảng 500 tấn chất thải sinh hoạt, 200 tấn chất thải công nghiệp, hai tấn chất thải y tế thải ra môi trường. Trung bình mỗi năm, lượng chất thải rắn sinh hoạt tăng 10%, chất thải rắn công nghiệp tăng 15%, chất thải y tế tăng 8%. Các khu vực thành thị tập trung dân cư là nguồn phát sinh chủ yếu các loại chất thải rắn sinh hoạt, chỉ tính riêng thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn mỗi ngày thải ra hơn 200 tấn. Chung quanh các KCN, số dân tăng cơ học chiếm tỷ lệ cao, không cố định cũng tạo nên áp lực lớn đối với môi trường. Trước thực trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, việc xử lý tình trạng này là cấp thiết nhưng trong quá trình thực hiện, Bắc Ninh cũng gặp một số vướng mắc về việc chọn vị trí xây dựng địa điểm đặt cơ sở xử lý rác theo đúng quy chuẩn về quy mô và khoảng cách tối thiểu với khu dân cư. Bên cạnh đó, khi triển khai dự án, một số người dân chưa hiểu, chưa đồng thuận cho nên chính quyền cần công khai quy hoạch, giải thích cho người dân hiểu về tầm quan trọng của việc xây dựng các công trình xử lý chất thải để các dự án sớm được đưa vào sử dụng.

5. Giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh hướng tới mục tiêu phát triển bền vững

5.1. Giải pháp thu hút đầu tư nhằm phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao

- Tiếp tục thu hút đầu tư các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, nâng cao tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm, thân thiện với môi trường, tiêu tốn năng lượng thấp, không thâm dụng lao động, nhằm từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Xây dựng công nghiệp đạt trình độ tiên tiến

và hiện đại, sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và nước ngoài; Ưu tiên phát triển theo chiều sâu công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, công nghiệp cơ khí, chế tạo. Mở rộng quy mô công nghiệp, dược, công nghiệp chế biến thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho các ngành công nghiệp chủ lực nhằm tạo ra chuỗi giá trị gia tăng cao cho các sản phẩm công nghiệp nội tỉnh. Từng bước tiến đến hình thành cụm công nghiệp liên kết (cluster) trên cơ sở lấy doanh nghiệp lớn là hạt nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ là các vệ tinh cung ứng.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hướng có chọn lọc, ưu tiên các dự án đầu tư có quy mô lớn, ít thâm dụng lao động, sản xuất sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ sạch, nâng cao hiệu quả trên 1ha diện tích công nghiệp, tạo ảnh hưởng lan tỏa đến phát triển kinh tế của tỉnh. Hướng tới những doanh nghiệp có công nghệ đến từ những nước phát triển có các chuẩn môi trường cao, nơi có quy định chặt chẽ về công tác môi trường; cấp phép cho các dự án doanh nghiệp có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tập trung vào các ngành, lĩnh vực tạo ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, như công nghệ cao, cơ khí, công nghệ thông tin và truyền thông, dược, công nghiệp sinh học, công nghiệp môi trường và các ngành sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, vật liệu mới...

- Xây dựng kế hoạch phát triển một số ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin truyền thông; công nghệ sinh học; công nghiệp vật liệu mới; công nghệ tự động hóa. Triển khai dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghệ cao song song với đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao.

Trong dài hạn, bên cạnh việc tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút nguồn vốn phát triển kinh tế tỉnh nhà, cần có chính sách nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước và trong tỉnh, thay vì chỉ ưu tiên đầu tư cho các doanh nghiệp FDI. Đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, quảng bá hình ảnh về Bắc Ninh, về KCN, thu hút các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, thân thiện môi trường. Kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa

công nghiệp hóa và đô thị hóa để tiến nhanh tới hiện đại hóa; gia tăng ảnh hưởng lan tỏa của KCN tới các lĩnh vực khác, góp phần quan trọng để đạt mục tiêu phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, xã hội, môi trường.

5.2. Giải pháp bảo tồn và phát triển các ngành công nghiệp truyền thống

Việc lựa chọn khôi phục, phát triển làng nghề, xây dựng kết cấu hạ tầng các khu, cụm công nghiệp tạo đà, tạo hình ảnh để thu hút đầu tư cũng là một hướng đi độc đáo của tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tiếp theo. Do vậy, cần rà soát, điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp, ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp làng nghề gắn với việc bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái. Tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp truyền thống, có lợi thế về nguồn nguyên liệu, nguồn nhân lực, theo hướng tăng tỷ trọng những mặt hàng tinh chế như: chế biến nông lâm sản, thực phẩm...

Ngoài ra, cần phát triển một số loại hình dịch vụ theo hướng liên kết mở, liên vùng, liên tỉnh, nhằm phát huy lợi thế vị trí cửa ngõ Đông Bắc của vùng Hà Nội, nằm trên hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng. Trong đó, tập trung phát triển mạnh các loại hình dịch vụ gắn với công nghiệp đó là dịch vụ trung chuyển hàng hóa, dịch vụ đô thị, dịch vụ tài chính ngân hàng. Phát triển ngành dịch vụ môi trường và ngành công nghiệp tái chế nhằm giải quyết hậu quả về môi trường do các khu vực kinh tế “nâu” gây ra, góp phần tạo nên tăng trưởng kinh tế và việc làm. Phát triển các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, sinh học, sinh khối, địa nhiệt...

5.3. Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường

Sự phát triển công nghiệp thời gian qua đã tạo áp lực lên môi trường ngày càng lớn, nguy cơ trở thành các bãi chứa chất thải công nghiệp ngày càng cao. Để từng bước khắc phục, xử lý triệt để ô nhiễm môi trường, phải thống nhất quan điểm không vì lợi ích, phát triển kinh tế mà làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái; cần gắn kết công tác bảo vệ môi trường trong cấp phép đầu tư, quy hoạch phát triển kinh tế; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở, doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong công tác bảo vệ môi trường... Để làm được điều đó, cần:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cộng đồng, doanh nghiệp tác động ảnh hưởng ô nhiễm môi trường đến sức khỏe nhân dân và môi trường sinh thái. Khuyến khích các doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh sử dụng các công nghệ mới sạch hơn, sử dụng tối ưu các nguyên vật liệu, giảm bao bì và đóng gói sản phẩm.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu các cấp chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục kiện toàn hệ thống quản lý nhà nước về môi trường từ trung ương đến địa phương; tăng cường nhân lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp. Ban hành các quy chế, áp dụng các biện pháp ngăn ngừa xử lý các hành vi hủy hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quản lý và hoạt động quản lý môi trường trong khu, cụm công nghiệp.

Thứ ba, cần tập trung làm tốt công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị, khu công nghiệp và làng nghề theo hướng đô thị hiện đại; khắc phục và xử lý nghiêm vi phạm ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, khu công nghiệp, không để tình trạng ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường cản trở phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, xử lý nghiêm bằng các hình thức cao nhất đối với các cơ sở, doanh nghiệp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Đặc biệt là các doanh nghiệp tại các làng nghề, cụm công nghiệp, các doanh nghiệp cố tình vi phạm, xả trộm chất thải không xử lý gây ô nhiễm môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nguồn tiếp nhận, đặc biệt là các dòng sông: Sông Đuống, sông Cầu, sông Ngũ huyện Khê và các kênh tưới tiêu nội đồng. Bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Rà soát lại các nguồn gây ô nhiễm trong các khu đô thị để có biện pháp xử lý từng bước.

Thứ năm, tiến hành đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các khu công nghiệp, các cơ sở sản xuất; di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm môi trường không thể khắc phục được ra khỏi các khu dân cư, thị xã và thị trấn. cấp phép đầu tư hướng vào các dự án “sạch”. Những doanh nghiệp công nghiệp tiết kiệm nhiên liệu, không sử dụng nhiều lao động giá rẻ cũng nên được ưu tiên. Hạn chế tối đa việc cấp phép cho những lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao như: Giấy, dệt nhuộm, xi măng, thép..., những dự án không phù hợp với quy hoạch phát triển của Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng, gây ảnh hưởng đến định hướng phát triển bền vững của tỉnh và đất nước.

Thứ sáu, đối với tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề: Cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải làng nghề, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật sử dụng khí Biogas để chạy động cơ phát điện góp phần tiết kiệm năng lượng, xử lý ô nhiễm môi trường trong các cơ sở chăn nuôi tập trung, xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị và vùng nông thôn ứng dụng công nghệ EBB cải tiến... Bên cạnh đó, cần ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, tạo mô hình mẫu, mô hình điểm để xử lý ô nhiễm môi trường theo từng nhóm làng nghề phù hợp.

6. Kết luận

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu ngành công nghiệp nói riêng là xu thế tất yếu, là bước đi phù hợp trong bối cảnh hiện nay. Là một tỉnh có nhiều tiềm năng lợi thế trong phát triển công nghiệp với tỷ trọng cao (luôn chiếm trên 70% trong cơ cấu kinh tế) với các sản phẩm công nghiệp đa dạng, phong phú từ sản phẩm công nghiệp công nghệ cao đến các sản phẩm công nghiệp truyền thống, Bắc Ninh cần có chính sách và bước đi phù hợp nhằm phát huy tối đa những tiềm năng, lợi thế của khu vực này trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đảm bảo định hướng phát triển bền vững trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, H. (2018). Tăng trưởng xanh hướng tới nền kinh tế xanh, phát triển bền vững. *Tạp chí Cộng sản*.
- Bắc, N. (2010). *Nghiên cứu vấn đề phát triển bền vững công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*. Luận án tiến sĩ kinh tế - Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- Hà, N. (2014). *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững ở Việt Nam*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội.
- Thắng, B. (2006). *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Trung tâm biên soạn từ điển quốc gia. (1995). *Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 1*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê. (2018, 2019, 2020, 2021, 2022). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội*.
- Tổng cục Thống kê. (2022). *Niên giám Thống kê của Việt Nam*.